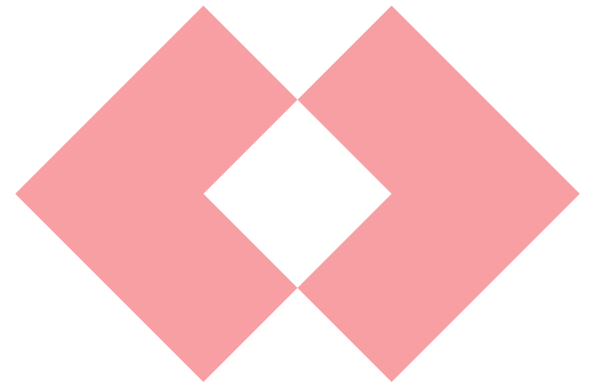


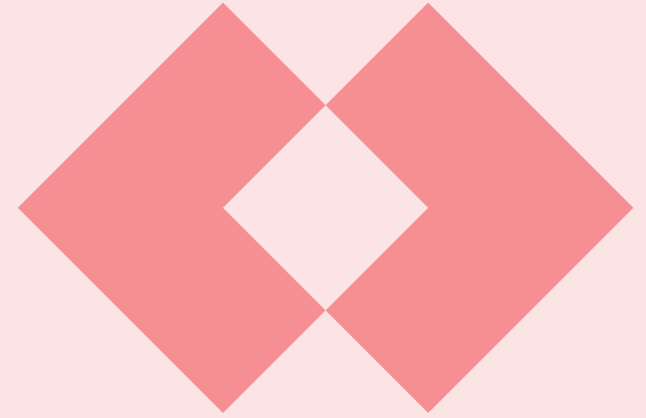


TECHCOMSECURITIES 

Báo cáo KQKD Q1/2026

Hà Nội, 23 tháng 4 năm 2026





01

Điểm nhấn

02

Vĩ mô và
Thị trường

03

Kết quả
kinh doanh

04

Triển vọng
2026

Tăng trưởng lợi nhuận bền vững – Khẳng định vị thế dẫn đầu

01

Điểm nhấn

Tổng doanh thu

2.783 tỷ đồng

▲ 37% N/N

Lợi nhuận/Tổng tài sản

7,8%

▲ 0,2% N/N

#1

Tư vấn phát hành trái phiếu
86% thị phần

#1

Dư nợ cho vay ký quỹ
11% thị phần

Lợi nhuận trước thuế

1.458 tỷ đồng

▲ 11% N/N

Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu

15,4%

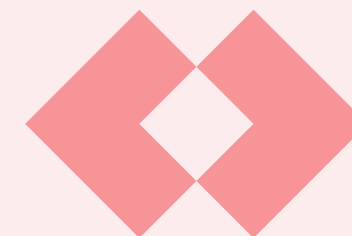
▲ 0,1% N/N

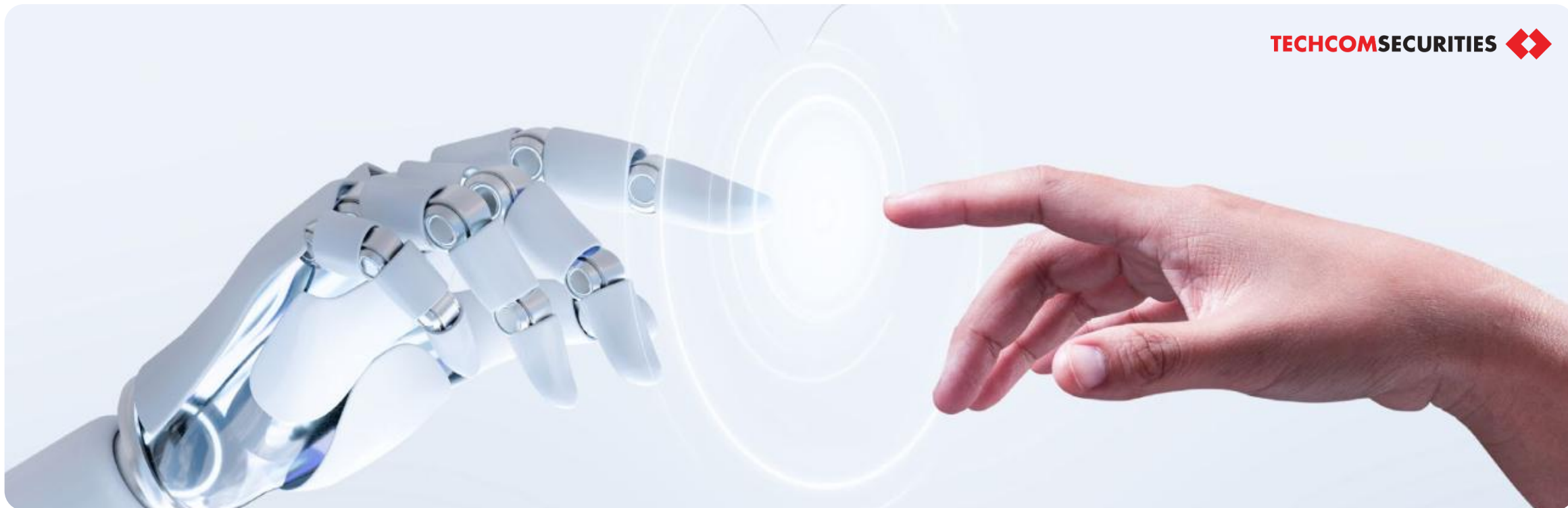
#3

8,9% thị phần
trên HOSE

#2

9,5% thị phần
trên HNX





02

Vĩ mô và Thị trường

VĨ MÔ

Tăng trưởng GDP

▲ **7,83%**

So với 7,07% Q1/2025

Thay đổi CPI

▲ **3,51%**

Tăng trưởng tín dụng

▲ **15%**

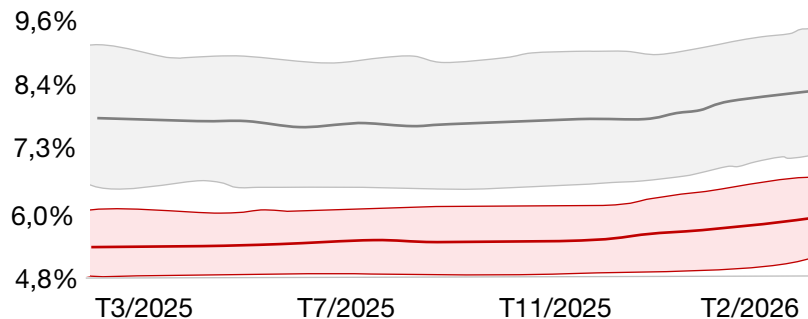
Năm 2026

Giải ngân đầu tư công

110,3 nghìn tỷ

11% KH | ▲ 37% N/N

Lãi suất có xu hướng tăng



THỊ TRƯỜNG VỐN

VN-Index

1.674,5

▼ 6% so với T12/2025

Giá trị giao dịch Q1

1.995 nghìn tỷ

▲ 90% N/N

Số lượng tài khoản mở mới Q1

788.500

▲ 130% N/N | >12 triệu tài khoản

FTSE nâng hạng Việt Nam lên

Thị trường mới nổi thứ cấp

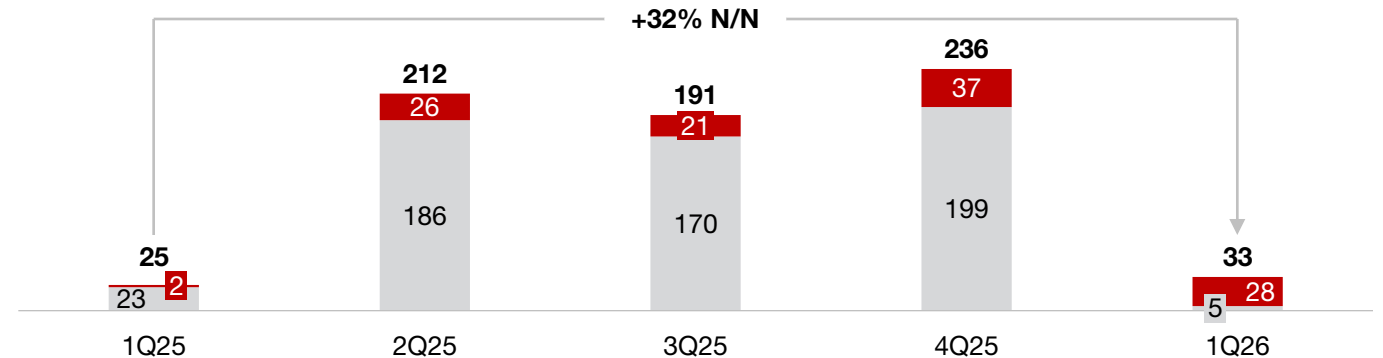
Tháng 9 năm 2026

Giá trị tài sản ròng quỹ mở nội địa

58 nghìn tỷ

▲ 2% so với cuối T3/2025

Hoạt động phát hành trái phiếu hồi phục





03

Kết quả kinh doanh

1. Duy trì đà tăng trưởng trong bối cảnh thị trường biến động

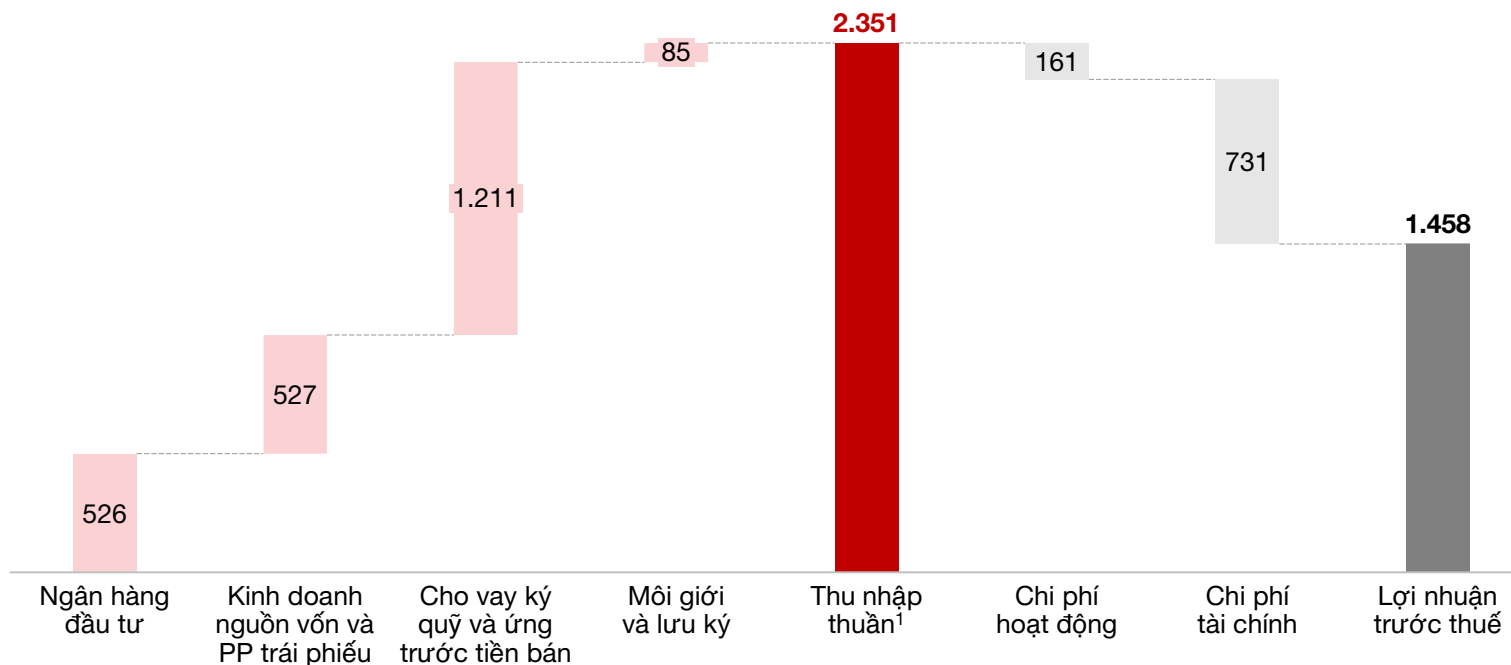
03

Kết quả kinh doanh

- Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 24% so với cùng kỳ năm trước, với đóng góp chính từ mảng cho vay ký quỹ (52% tổng thu nhập thuần).
- Lợi nhuận trước thuế tăng 11% so với cùng kỳ, mức tăng chậm hơn so với thu nhập thuần chủ yếu do chi phí tài chính cao hơn, phản ánh sự tăng trưởng bằng cân đối kế toán.

Kết quả kinh doanh Q1/2026 theo từng mảng

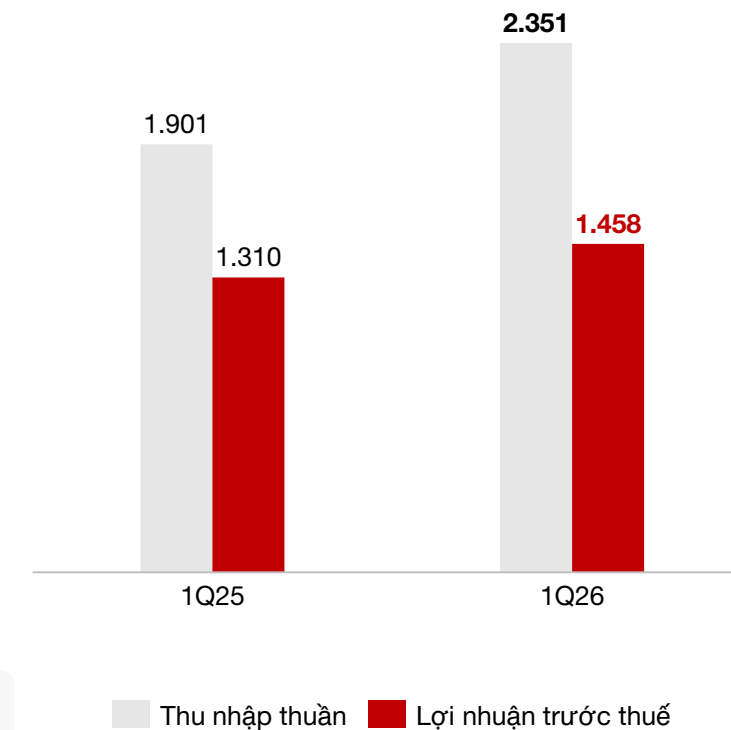
Tỷ đồng



YoY ▲ 27% ▼ 24% ▲ 69% ▲ 17% ▲ 24% ▲ 17% ▲ 61% ▲ 11%

Tăng trưởng trên các chỉ tiêu tài chính

Tỷ đồng



Thu nhập thuần Lợi nhuận trước thuế

Ghi chú: 1. Thu nhập thuần từ HĐKD = Tổng doanh thu – Chi phí hoạt động.

1.1. Tiếp tục dẫn đầu thị trường tư vấn phát hành trái phiếu

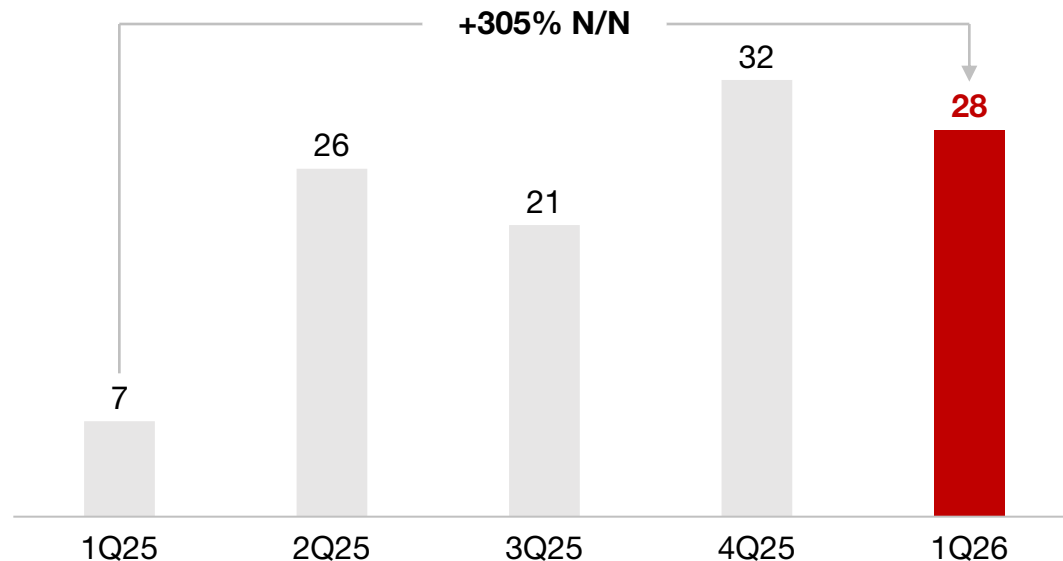
03

Kết quả kinh doanh

- Giữ vững vị thế số 1 thị trường trong 9 năm liên tiếp (2017–Q1/2026).
- Giá trị phát hành đạt 28 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026, với thu nhập thuần từ mảng này đóng góp 22% tổng thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh.

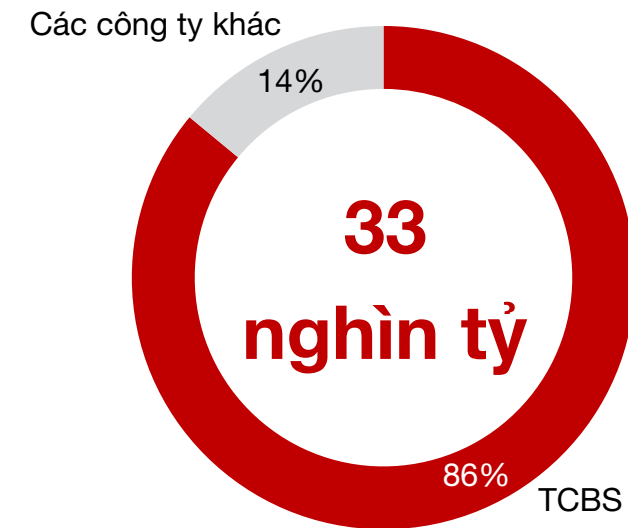
Phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Nghìn tỷ đồng



Thị phần ¹	1Q25	2Q25	3Q25	4Q25	1Q26
	57%	45%	36%	33%	86%

Thị phần tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp (không bao gồm ngân hàng)



Ghi chú: Thị phần phát hành trái phiếu doanh nghiệp không bao gồm trái phiếu ngân hàng, bao gồm các công ty chứng khoán và công ty tài chính tiêu dùng.

1.2. Biên lợi nhuận phân phối trái phiếu điều chỉnh linh hoạt để hỗ trợ doanh số trong bối cảnh lãi suất cao

03

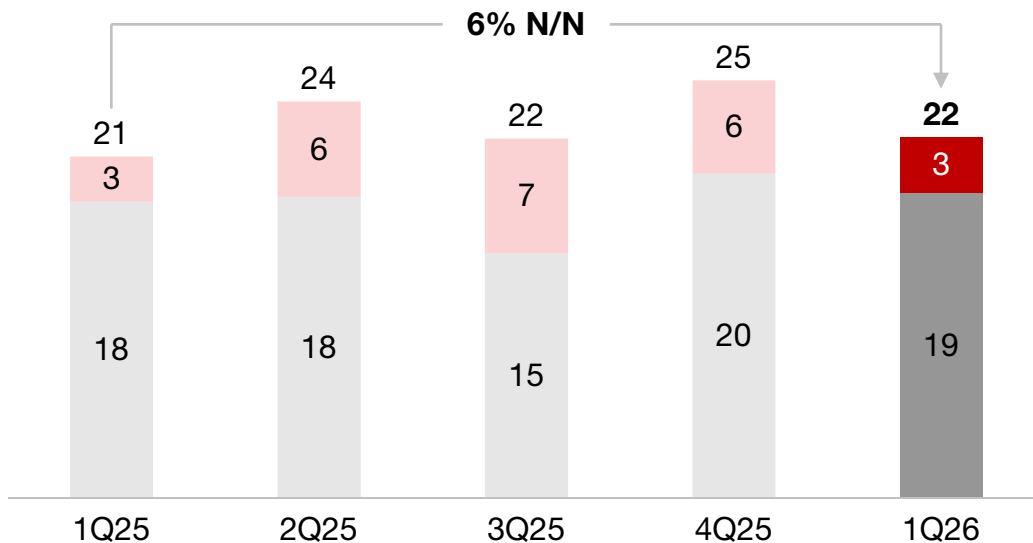
Kết quả kinh doanh

- Doanh số phân phối sản phẩm đầu tư đạt 25,4 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026.
- Fundmart duy trì vị thế dẫn đầu với 31 quỹ đang được phân phối trên nền tảng, chiếm 55% giá trị tài sản ròng toàn thị trường.
- TCBS là đơn vị đầu tiên kết nối trực tiếp với hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp của HNX, nâng cao hiệu quả giao dịch và trải nghiệm khách hàng.

Phân phối trái phiếu

Ngìn tỷ đồng

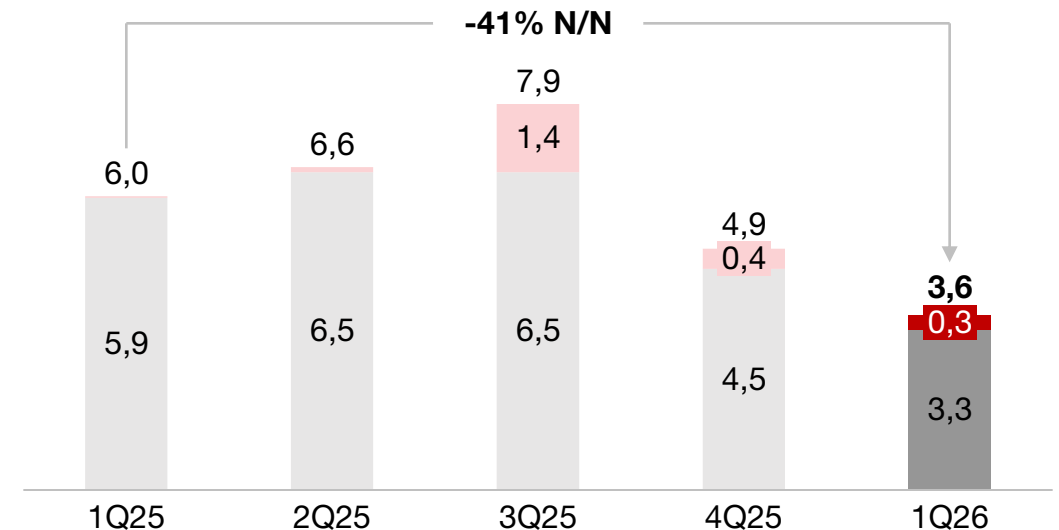
iConnect
iBond



Phân phối quỹ và sản phẩm cấu trúc

Ngìn tỷ đồng

Sản phẩm cấu trúc (iTracker, iCopy)
Fundmart



1.3. Môi giới và cho vay ký quỹ duy trì đà tăng trưởng

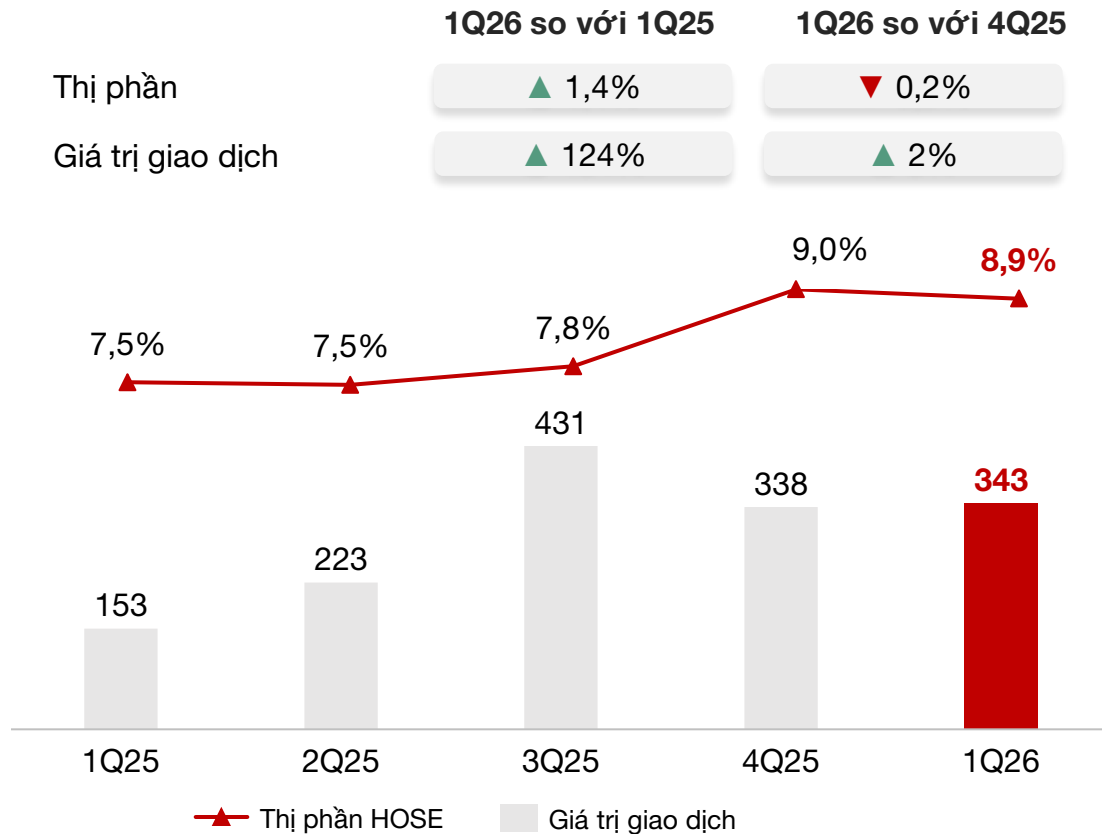
03

Kết quả kinh doanh

- Duy trì vị thế Top 3 thị phần môi giới trên HOSE với 8,9%, và Top 2 trên HNX với 9,5%.
- Mở rộng dịch vụ khách hàng tổ chức với các sản phẩm/tính năng mới như Dark Pool, đặt lệnh qua Bloomberg và giao dịch thuật toán.

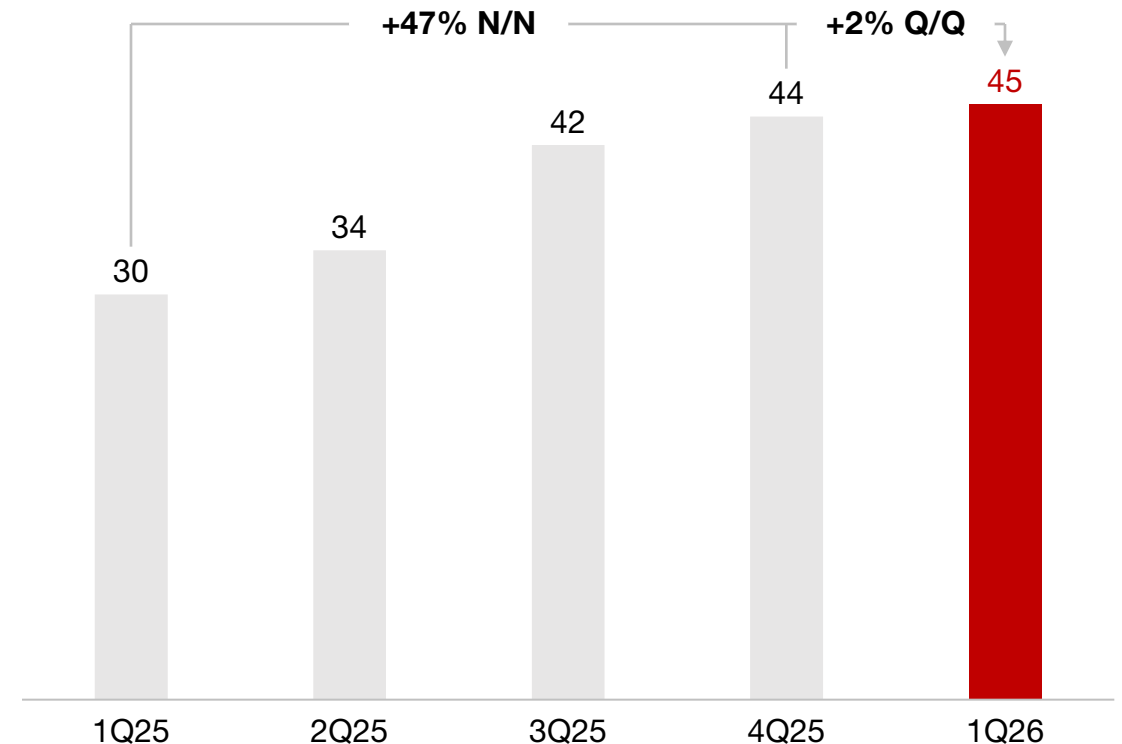
Thị phần HOSE & giá trị giao dịch

% và nghìn tỷ đồng



Dư nợ cho vay ký quỹ

Nghìn tỷ đồng



2. Tiếp tục đầu tư vào AI và công nghệ để thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh

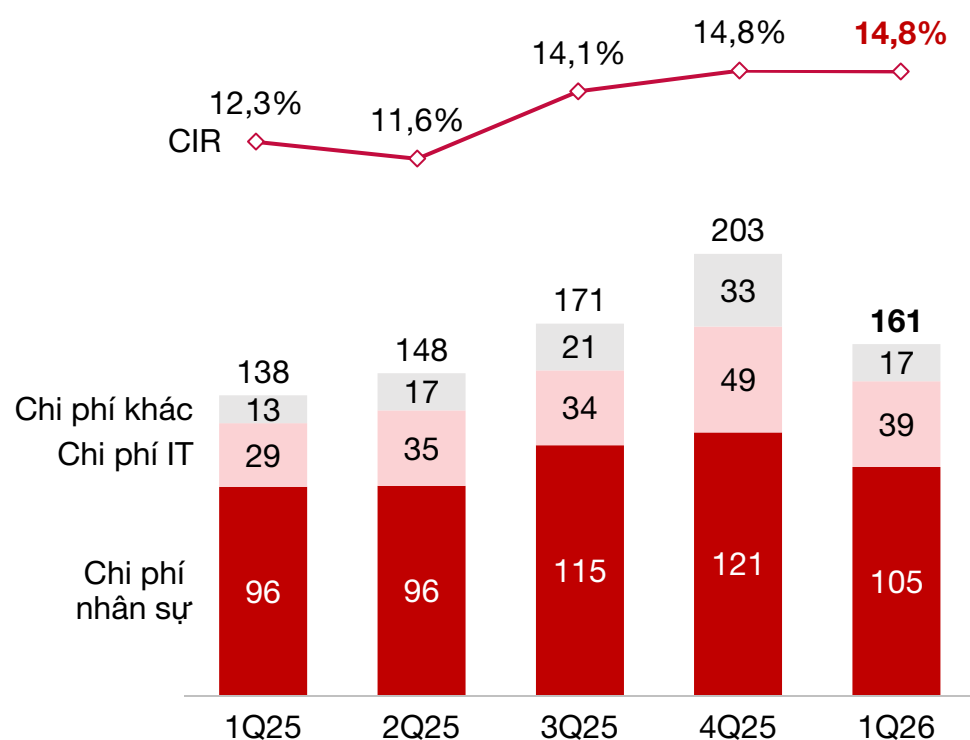
03

Kết quả kinh doanh

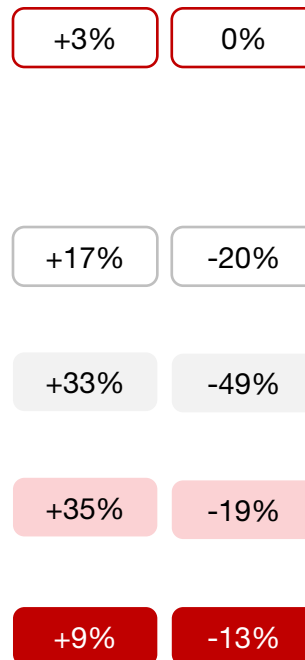
- TCBS hướng tới chuyển đổi toàn diện sang mô hình “AI Native”, với Agentic AI được tích hợp trên toàn bộ các bộ phận Công ty.

Hiệu quả chi phí và chi phí hoạt động

% và tỷ đồng

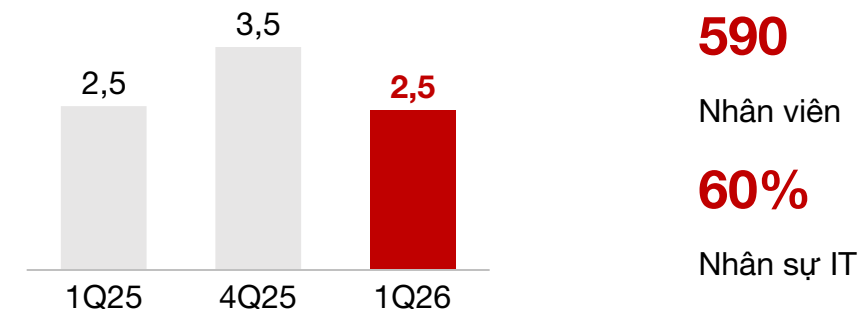


N/N Q/Q



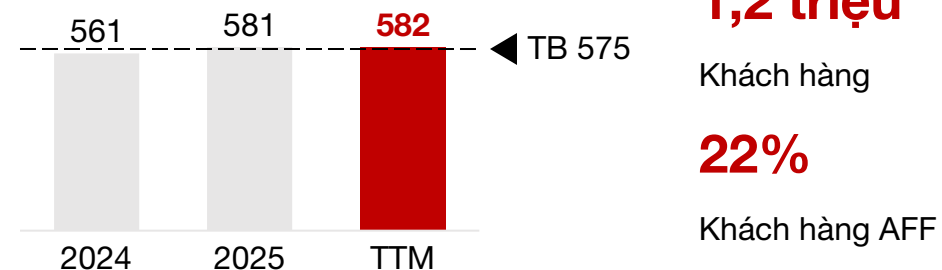
Lợi nhuận trước thuế trên mỗi nhân viên

Tỷ đồng



Chi phí hoạt động trên mỗi khách hàng

Nghìn đồng



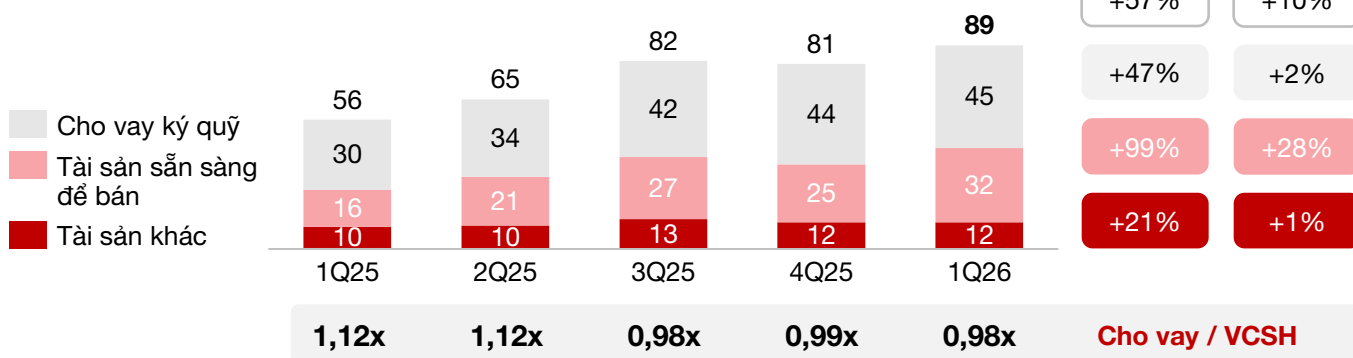
3. Đa dạng hóa nguồn vốn – Nền tảng vững chắc để tăng trưởng kinh doanh giữa thị trường còn nhiều biến số

03

Kết quả kinh doanh

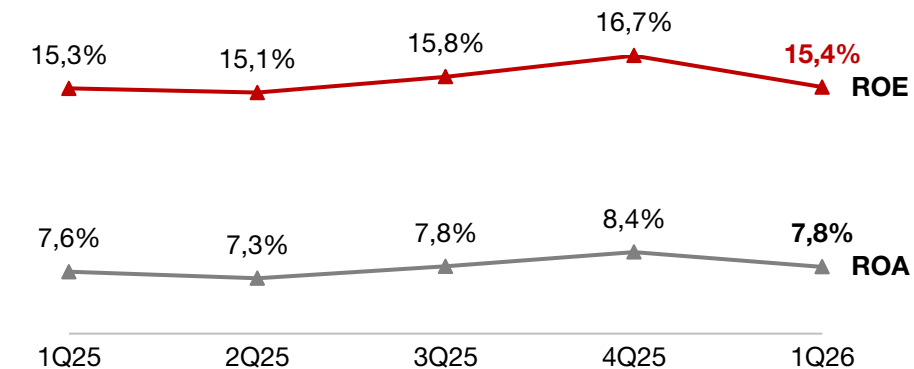
Cơ cấu tài sản

Ngìn tỷ đồng



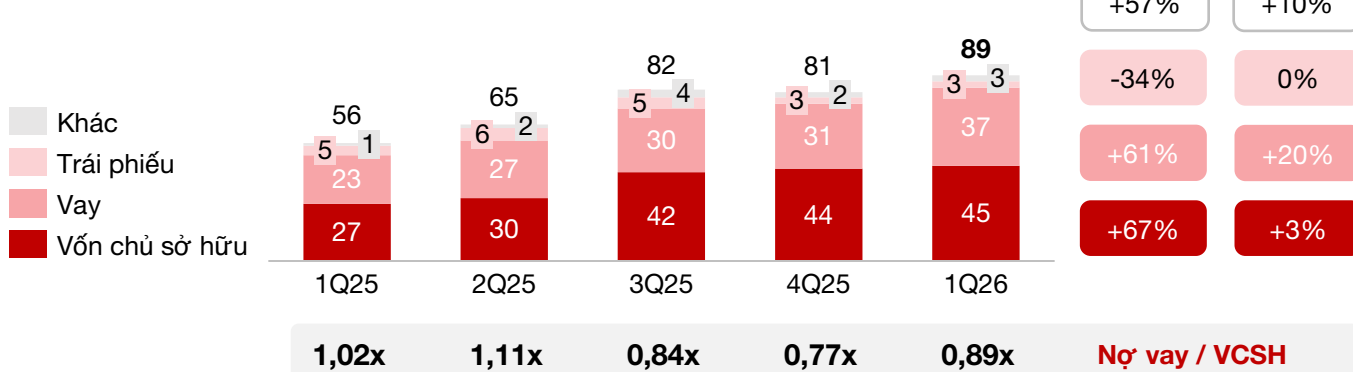
Khả năng sinh lời (ROE & ROA)

%



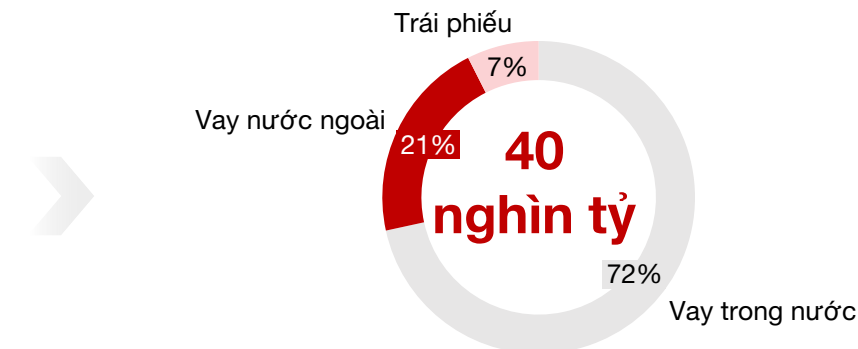
Cơ cấu nguồn vốn

Ngìn tỷ đồng



Cơ cấu nguồn vốn huy động

%



4. Giải thưởng về AI và IPO



**Best Financial AI
Project in Vietnam
TCInvest GenAI project**

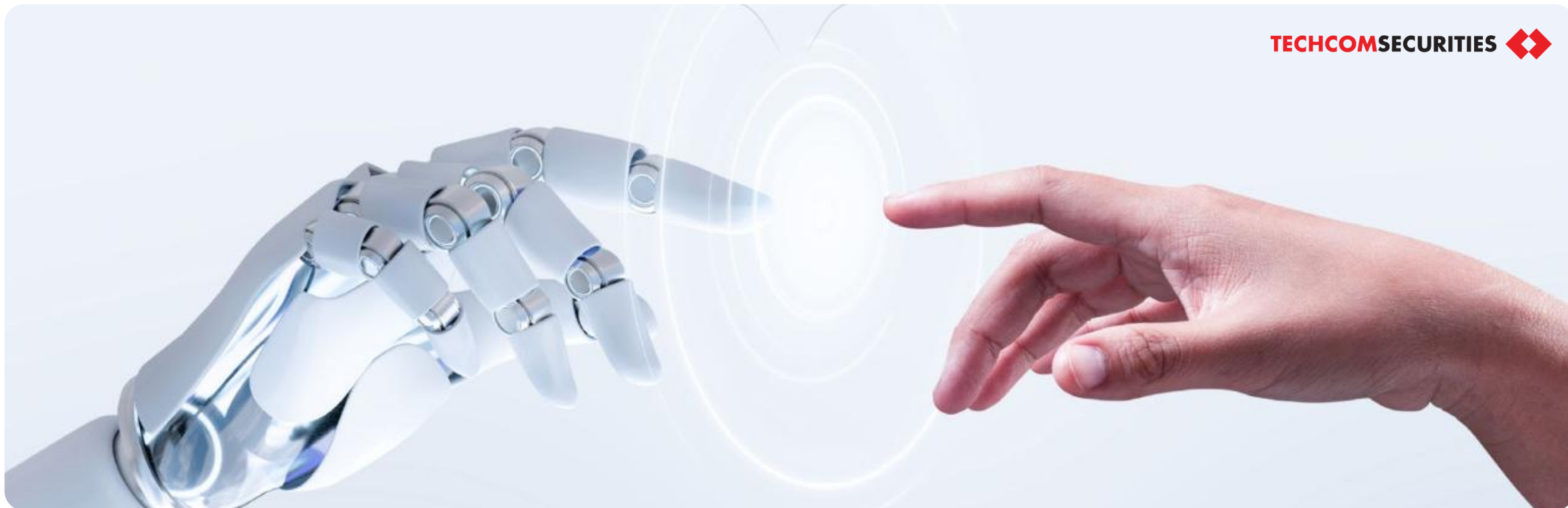
**Best IPO in Vietnam
Techcom Securities**

**Best Syndicated Loan
Securities Sector**

03

Kết quả
kinh doanh





04

Triển vọng 2026

FY2026: Mô hình kinh doanh đa dạng giúp duy trì tăng trưởng bền vững trong bối cảnh thị trường đầy thách thức

04

Triển vọng
2026

Tổng doanh thu

Kế hoạch FY2026

13.227 tỷ đồng

▲ 26% so với 2025¹

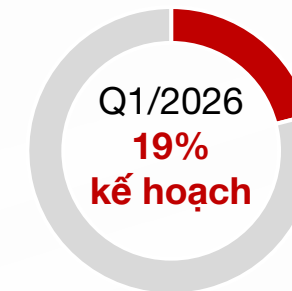


Lợi nhuận trước thuế

Kế hoạch FY2026

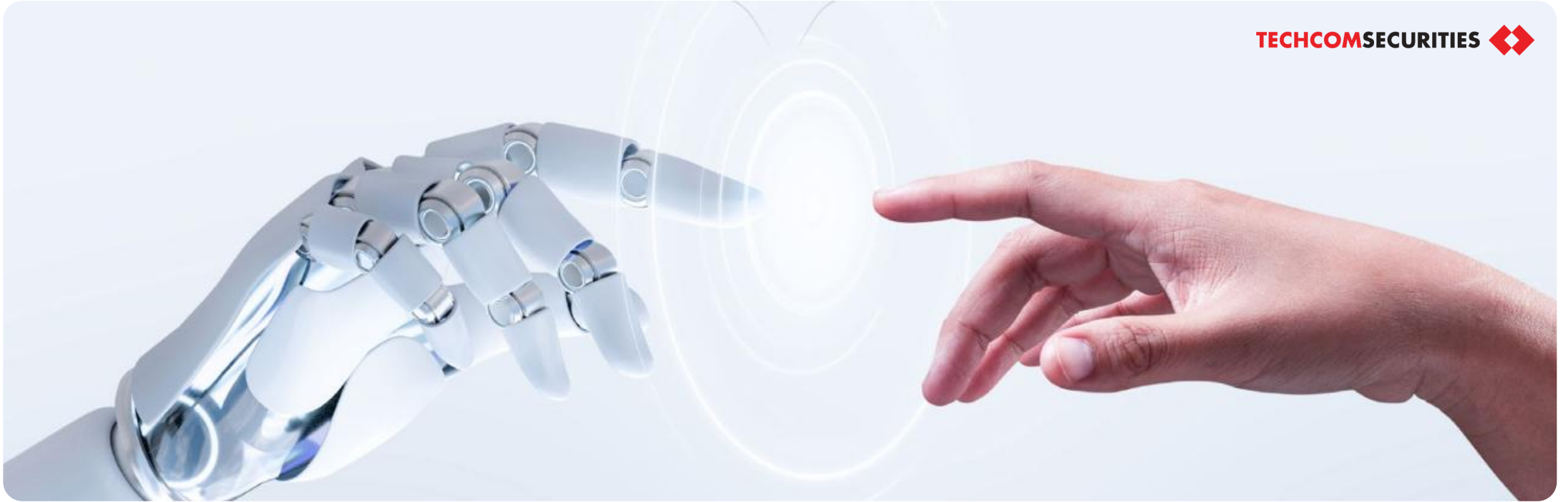
7.535 tỷ đồng

▲ 18% so với 2025¹



Mảng kinh doanh	Dự kiến 2026	Nhận định chính
Ngân hàng đầu tư	▲	Tăng trưởng tín dụng thận trọng năm 2026 sẽ hỗ trợ cho mảng trái phiếu. Mở rộng dịch vụ tư vấn DCM-ECM.
Phân phối sản phẩm đầu tư	■	Nhu cầu đầu tư dịch chuyển từ tiền gửi sang các sản phẩm tài chính khác như trái phiếu, quỹ, tài sản mã hóa, sản phẩm cấu trúc. Lãi suất cao có thể ảnh hưởng mảng trái phiếu trong ngắn hạn, xu hướng đa dạng hóa danh mục đầu tư vẫn bền vững.
Cho vay ký quỹ	▲	Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn chủ sở hữu ~98%, thấp hơn nhiều so với trần 200%, tạo dư địa tăng trưởng trong các kỳ tiếp theo. Áp dụng chính sách lãi suất cho vay ký quỹ cạnh tranh để tăng thị phần.
Môi giới	▲	Tăng trưởng khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức. Bổ sung các tính năng giao dịch mới: Non-Prefunding, Inline Orders, VWAP Orders
Nguồn vốn	Đa dạng và ổn định	Chủ động đa dạng hóa và bổ sung nguồn vay quốc tế, nhằm quản lý thanh khoản, tối ưu chi phí vốn và hỗ trợ tăng trưởng mảng cho vay ký quỹ.
Công nghệ / GenAI	Chuyển đổi AI	Hướng tới mô hình "AI Native", tinh gọn bộ máy và tích hợp AI vào toàn bộ hoạt động.

Ghi chú: 1. Tăng trưởng so với kết quả thực tế năm 2025, không bao gồm thu nhập phát sinh 1 lần 726 tỷ đồng được ghi nhận trong quý 4/2025.



Điểm nhấn tài chính Q1/2026

	1Q26	4Q25	1Q25	Q/Q	Y/Y
Kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>(Chỉ tiêu chính, tỷ đồng)</i>					
Tổng doanh thu	2.783	3.365	2.028	-17%	37%
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh	2.351	2.901	1.901	-19%	24%
<i>Môi giới và lưu ký chứng khoán</i>	85	89	73	-4%	17%
<i>Cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán</i>	1.211	1.119	718	8%	69%
<i>Ngân hàng đầu tư</i>	526	468	414	12%	27%
<i>Kinh doanh nguồn vốn & Phân phối trái phiếu</i>	527	1.225	697	-57%	-24%
Chi phí thuần từ hoạt động tài chính	(731)	(657)	(453)	11%	61%
Tổng thu nhập hoạt động	1.620	2.244	1.448	-28%	12%
Chi phí quản lý	(161)	(203)	(138)	-20%	17%
Lợi nhuận trước thuế	1.458	2.041	1.310	-29%	11%
Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	15,4%	16,7%	15,3%	-1,3%	0,1%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	7,8%	8,4%	7,6%	-0,6%	0,2%
Chi phí/Thu nhập (CIR)	14,8%	14,8%	12,3%	0,0%	2,5%
Lợi nhuận trước thuế bình quân/Nhân sự (Tỷ đồng)	2,5	3,5	2,5	-29%	-3%

Điểm nhấn tài chính Q1/2026

	31/3/2026	31/12/2025	31/3/2025	Q/Q	Y/Y
Bảng cân đối kế toán					
<i>(Chỉ tiêu chính, tỷ đồng)</i>					
Tổng tài sản	88.665	80.632	56.330	10%	57%
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.493	3.108	2.310	77%	138%
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.406	3.657	2.854	-62%	-51%
Các khoản cho vay	44.754	43.860	30.472	2%	47%
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	32.249	25.218	16.229	28%	99%
Tổng nợ phải trả	43.198	36.533	29.035	18%	49%
Vay ngắn hạn	37.356	31.080	23.175	20%	61%
Trái phiếu (ngắn và dài hạn)	3.007	3.014	4.580	0%	-34%
Vốn chủ sở hữu	45.466	44.100	27.295	3%	67%
Chỉ tiêu an toàn vốn và cơ cấu vốn					
Nợ/Vốn chủ sở hữu	89%	77%	102%	11,5%	-12,9%
Dư nợ cho vay ký quỹ/ Vốn chủ sở hữu	98%	99%	112%	-1,0%	-13,2%

Công thức tính các chỉ số tài chính

CHỈ SỐ	CÔNG THỨC
ROA (LTM)	Lợi nhuận sau thuế (4 quý gần nhất) ÷ Trung bình Tổng Tài sản (5 quý gần nhất)
ROE (LTM)	Lợi nhuận sau thuế (4 quý gần nhất) ÷ Trung bình Vốn chủ sở hữu (5 quý gần nhất)
CIR (LTM)	(Chi phí hoạt động ¹ + Chi phí quản lý) ÷ (Doanh thu hoạt động – Lãi/Chi phí tài sản tài chính)
Q/Q	So với quý gần nhất
Y/Y	So với cùng kỳ năm trước

Ghi chú: 1. Không bao gồm lãi và chi phí của tài sản tài chính.



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Thông tin trong bản trình bày này chỉ được dùng với mục đích tham khảo và không cấu thành bất kỳ đề nghị, lời mời, khuyến nghị nào để mua, bán, phát hành hoặc đăng ký mua/bán chứng khoán tại Việt Nam. Không cá nhân hay tổ chức nào được phép sử dụng, công bố, phân phối toàn bộ hoặc một phần nội dung này dưới bất kỳ hình thức nào liên quan đến giao dịch chứng khoán. Vi phạm có thể dẫn đến hậu quả pháp lý theo Luật Chứng khoán Việt Nam hoặc pháp luật có liên quan tại các khu vực khác tương ứng. Thông tin được cung cấp có giá trị tại thời điểm trình bày và không ngụ ý rằng tình hình của Techcom Securities kể từ thời điểm đó không có thay đổi, hoặc rằng các thông tin, quan điểm trong bản trình bày vẫn còn chính xác ở thời điểm hiện tại hoặc các thời điểm sau. Techcom Securities không có nghĩa vụ cập nhật nội dung bản trình bày này. Bản trình bày có thể bao gồm các tuyên bố định hướng tương lai, các tuyên bố này cần được xem xét một cách thận trọng.

Báo cáo KQKD Q1/2026

Xin trân trọng
cảm ơn

Quan hệ Nhà đầu tư

TechcomSecurities

6 Quang Trung, Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam
Website: www.tcbs.com.vn
Email: tcbs_ir@tcbs.com.vn

TECHCOMSECURITIES 

